

Bản án số: 43/2025/HC-PT
Ngày: 10 - 01 - 2025
V/v: Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai (trực tuyến giữa cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh với cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long) vụ án hành chính thụ lý số 1064/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3590/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số A tổ A, Khóm B, Phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (sau đây viết tắt là: UBND).

Trụ sở tại: Số A, đường N, Khóm E, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của UBND thị xã B: Ông Ngô Tùng D - Chủ tịch UBND thị xã B (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt). Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Nguyễn Văn D1 - Phó Chủ tịch UBND thị xã B (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Trụ sở tại: Số A, đường N, Khóm E, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D1 - Phó Chủ tịch UBND thị xã B (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã B và Chủ tịch UBND thị xã B: Ông Nguyễn Văn C1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Nguyễn Văn D1 - Phó Chủ tịch UBND thị xã B (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Trường Tiểu học T (trước đó là Trường Tiểu học M). Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã B. Địa chỉ: Khóm E, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người có kháng cáo:* ông Nguyễn Hữu C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2023 của ông Nguyễn Hữu C và các lời trình bày tiếp theo của ông C trình bày:*

Trước đây ông C là chủ sử dụng diện tích 56m² đất thuộc một phần của thửa đất số 262, diện tích 700m² tại xã M, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Vĩnh Long, được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/02/1991. Năm 1996, do ông C công tác trong ngành giáo dục nên ông cho Trường học Mỹ Hòa A mượn diện tích 56m² đất nêu trên để xây dựng phòng học mẫu giáo, khi nào nhà trường không còn nhu cầu sử dụng nữa thì trả lại cho ông. Việc cho mượn đất không lập bằng giấy tờ.

Sau khi ông C cho mượn đất làm lớp học đã hoạt động được một thời gian dài, sau đó có chủ trương của ngành giáo dục tập hợp các lớp mẫu giáo ở ấp lại một điểm ở trung tâm xã nên lớp mẫu giáo tại phần đất của ông không còn sử dụng nữa. Thấy bỏ hoang nên từ năm 2017 ông làm đơn gửi UBND thị xã B xin giao trả đất cho ông sử dụng.

Ngày 07/3/2023 UBND thị xã B ban hành văn bản số 366/UBND-BTCD trả lời cho ông C không chấp nhận giao trả đất cho ông C.

Không đồng ý với văn bản trên, ông C gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị xã B. Ngày 17/7/2023 Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Văn bản số 1347/UBND-BTCD giải quyết đơn khiếu nại của ông, nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông.

Không đồng ý giải quyết khiếu nại của UBND thị xã B ông C khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Văn bản số 366/UBND-BTCD ngày 07/3/2023 UBND thị xã B.

Hủy Văn bản số 1374/UBND-BTCD ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã B.

Trong quá trình Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án hành chính, tại phiên đối thoại ngày 08/12/2023 ông Nguyễn Văn C1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã B trình bày: Văn bản số 366/UBND-BTCD ngày 07/3/2023 UBND thị xã B và văn bản số 1374/UBND-BTCD ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã B ký ban hành trả lời đơn khiếu nại của ông là văn bản hành chính mang tính chất nội bộ, không phải quyết định hành chính vì UBND thị xã B chưa có giải quyết yêu cầu đòi lại đất của ông C, ông C1 đề nghị ông C rút đơn khởi đề về UBND thị xã B giải quyết yêu cầu trả lại đất cho ông C nên ông C rút đơn khởi kiện đề cho UBND huyện giải quyết.

Ngày 11/12/2023, ông tiếp tục nộp đơn yêu cầu UBND thị xã B giải quyết trả lại 56m² đất thuộc thửa đất số 262.

Ngày 19/12/2023, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Văn bản số 2519/UBND-BTCD trả lời kiến nghị của ông C không phát sinh nội dung gì mới so với các đơn trước đây nên Chủ tịch UBND thị xã không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Ông C cho rằng:

Về hình thức: khi giải quyết đơn khiếu nại của ông, Chủ tịch UBND thị xã B không ban hành quyết định hành chính theo mẫu là không đúng quy định của Luật Khiếu nại.

Về nội dung: nguồn gốc diện tích 56m² đất là của ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1991, ông C cho Trường tiểu học M mượn cất phòng học tạm, không phải hiến tặng.

Nay trường học không sử dụng phần đất này nữa thì nhà nước phải giải quyết trả lại và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Hủy Văn bản số 366/UBND-BTCD ngày 07/3/2023 của UBND thị xã B về việc giải quyết yêu cầu trả lại đất của ông Nguyễn Hữu C;
- Hủy Văn bản số 1374/UBND-BTCD ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C;
- Hủy Văn bản số 2519/UBND-BTCD ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C;
- Buộc UBND thị xã B thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với phần đất cho mượn.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã B và UBND thị xã B trình bày:*

Diện tích đất 56m² ông C yêu cầu UBND thị xã B trả lại hiện nay thuộc một phần diện tích đất 203,1m² của thửa 121 là đất giáo dục do UBND huyện quản lý. Từ năm 1996, Nhà nước quản lý liên tục và hiện nay diện tích đất này UBND thị

xã B đã lập kế hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh V. Ông C cho rằng diện tích 56m² đất này ông C cho Nhà nước mượn nhưng không có căn cứ chứng minh, nên UBND thị xã B và Chủ tịch UBND thị xã B ban hành các văn bản hành chính: Văn bản số 366/UBND-BTCD ngày 07/3/2023 của UBND thị xã B về việc không chấp nhận giải quyết yêu cầu trả lại đất của ông Nguyễn Hữu C; Văn bản số 1374/UBND-BTCD ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C; Văn bản số 2519/UBND-BTCD ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C; Không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với 203,1m² thuộc thửa 121, là đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã B trình bày:*

Diện tích đất 56m² ông C đang khiếu kiện đòi lại cho rằng ông C cho Trường M1 mượn xây phòng học thì qua rà soát, Phòng giáo dục và Đào tạo không có lưu giữ hồ sơ ông C hiến hay cho mượn đất xây phòng học thuộc Trường Tiểu học M (sau này giao lại cho Trường Mầm non M1 quản lý và sử dụng).

Đến năm 2019, diện tích đất này Trường Mầm non M1 không còn nhu cầu sử dụng đã giao lại cho địa phương quản lý theo Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh V.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã B không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trường Tiểu học T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia đối thoại, không tham gia phiên tòa xét xử và không có ý kiến trình bày.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2024/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C về các đề nghị sau:

- Hủy Văn bản số 366/UBND-BTCD ngày 07/3/2023 của UBND thị xã B về việc giải quyết yêu cầu trả lại đất của ông Nguyễn Hữu C;
- Hủy Văn bản số 1374/UBND-BTCD ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C;
- Hủy Văn bản số 2519/UBND-BTCD ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C;
- Buộc UBND thị xã B thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với phần đất cho mượn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/10/2024, ông Nguyễn Hữu C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông C cho rằng 56m² đất ông C đang có khiếu kiện là đất của ông C cho Nhà nước mượn vào năm 1996. Nhưng theo sơ đồ đo đạc thì diện tích đất 56m² này nằm ngoài diện tích đất ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991, diện tích đất ông C được cấp giấy chứng nhận đất năm 1991 hiện nay vẫn đủ không thiếu, hơn nữa ông C cho rằng diện tích đất này ông cho Nhà nước mượn nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho mượn. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C là trong hạn và hợp lệ nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung:

[2]. Xét diện tích đất 56m² đang có khiếu kiện, ông C cho rằng diện tích đất này có nguồn gốc là của ông Nguyễn Hữu C cho nhà nước mượn để làm lớp mẫu giáo, nhưng ông C không được người bị kiện là UBND thị xã B và Chủ tịch UBND thị xã B thừa nhận, ông C cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho Nhà nước mượn. Mặt khác, theo kết quả đo đạc hiện trạng thể hiện diện tích đất 56m² ông C khiếu kiện đòi trả lại thuộc thửa 121 là đất giáo dục do UBND huyện quản lý, không nằm trong thửa đất số 262 của ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/02/1991.

[3]. Theo quy định tại Điều 78 của Luật Tố tụng hành chính thì người khởi kiện hành chính phải cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng ông C không chứng minh được diện tích đất 56m² ông khiếu kiện đòi Nhà nước trả lại thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C và ông C chỉ cho Nhà nước mượn. Mặt khác, trên thực tế thì diện tích đất này từ năm 1996 đến nay đều do Nhà nước quản lý.

[4]. Như vậy, UBND thị xã B và Chủ tịch UBND thị xã B không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện đòi trả lại đất và không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với diện tích 56m² đất nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[5]. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 31 của Luật Khiếu nại thì hình thức văn bản giải quyết khiếu nại phải bằng quyết định giải quyết khiếu nại, nhưng UBND thị xã B và Chủ tịch UBND thị xã B ban hành văn bản giải quyết khiếu nại là: Văn bản số 366/UBND-BTCD ngày 07/3/2023 về việc giải quyết yêu cầu trả lại đất

của ông Nguyễn Hữu C; Văn bản số 1374/UBND-BTCD ngày 17/7/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C; Văn bản số 2519/UBND-BTCD ngày 19/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C là không đúng về thể thức của văn bản giải quyết khiếu nại. Nhưng sai sót này không ảnh hưởng đến nội dung của việc giải quyết khiếu nại nên chỉ nêu ra để UBND thị xã B và Chủ tịch UBND thị xã B rút kinh nghiệm trong công tác giải quyết đơn khiếu nại của công dân.

[6]. Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ, ông C kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nào khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[7]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[9]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị, có hiệu lực pháp luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2024/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 và Điều 31 của Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C về việc yêu cầu hủy bỏ các văn bản: Văn bản số 366/UBND-BTCD ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã B về việc giải quyết yêu cầu trả lại đất của ông Nguyễn Hữu C; Văn bản số 1374/UBND-BTCD ngày 17/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C; Văn bản số 2519/UBND-BTCD ngày 19/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với diện tích 56m² đất có khiếu kiện.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu C được miễn.
4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các ĐS;
- Lưu: HS; VP; 17b (ĐTTB).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương